










# Bản tin Pháp chế

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Trong số này:	Trang
<b>I. Quy định mới</b>	<b>2</b>
 Những văn bản pháp lý ban hành trong tháng 12 năm 2017	
<b>II. Điểm tin văn bản pháp luật</b>	<b>3</b>
 Quyết định Số: 1977/QĐ-TTg Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	
 Nghị định 141/2017/NĐ-CP về mức lương tối thiểu vùng của người lao động làm việc theo hợp đồng lao động	
 Quyết định của Thủ tướng về lịch nghỉ Tết Nguyên đán Mậu Tuất	
 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 14/2017/L-CTN	
 Chỉ thị số 22/CT-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	
 Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017 của Bộ Kế hoạch và đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu	
 Nghị định 146/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn về thuế Giá trị gia tăng	
 Quyết định 2362/QĐ-BTC về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi thay thế trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính	
 Thông tư số 53/2017/TT-BTNMT qui định ngưng thi hành việc ghi tên các thành viên có chung quyền sử dụng đất vào sổ đỏ gia đình	
<b>III. Công văn giải đáp, hướng dẫn nghiệp vụ</b>	<b>11</b>
 Công văn số 5591/BHXH-TCKT hướng dẫn khóa sổ, lập báo cáo quyết toán năm 2017	
<b>IV. Danh mục văn bản nội bộ</b>	<b>13</b>

# QUY ĐỊNH MỚI

1. Doanh nghiệp	4. Đầu tư – Đấu thầu
<p><b>Quyết định</b> Số: 1977/QĐ-TTg Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam</p>	<p>Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.</p>
2. Lao động – tiền lương	5. Thuế - Phí – Bảo hiểm
<p>Nghị định 141/2017/NĐ-CP về Mức lương tối thiểu vùng của người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.</p> <p>Thủ tướng quyết định lịch nghỉ Tết Nguyên đán Mậu Tuất từ thứ tư, ngày 14/2/2018 (ngày 29 tháng Chạp năm Đinh Dậu) đến hết thứ ba 20/2/2018.</p>	<p>Nghị định 146/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế TNDN (TNDN).</p> <p>Quyết định 2362/QĐ-BTC: Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính.</p> <p>Công văn Số: 5591/BHXH-TCKT V/v hướng dẫn khóa sổ, lập báo cáo quyết toán năm 2017</p>
3. Tài chính – Ngân hàng	6. Tài nguyên, môi trường
<p>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 14/2017/L-CTN</p> <p>Chỉ thị số: 22/CT-UBND của UBND Thành phố Hà Nội về việc thực hiện chỉ thị số 32/CT-TTG ngày 9/7/2017 của Thủ tướng chính phủ và Quyết định số 1058/QĐ-TTG ngày 19/7/2017 của Thủ tướng chính phủ</p>	<p>Thông tư số 53/2017/TT-BTNMT quy định ngưng thi hành việc ghi tên các thành viên có chung quyền sử dụng đất vào sổ đỏ hộ gia đình.</p>

## ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT



### Quyết định Số: 1977/QĐ-TTg Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

*Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ vừa phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (trực thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam) theo hình thức bán bớt một phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.*

Theo đó: Vốn điều lệ của tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV POWER) là 23.418.716.000.000 đồng. Trong đó, tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 1.194.354.516 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp là 2.757.400 cổ phần, chiếm 0,118% vốn điều lệ. Cổ phần bán đấu giá công khai là 468.374.320 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là 676.385.364 cổ phần, chiếm 28,882% vốn điều lệ. Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Giá bán cổ phần ra công chúng khởi điểm là 14.400 đồng/cổ phần. Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược thực hiện theo quy định tại thời điểm thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược. Trường hợp thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược từ thời điểm Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP.

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - công ty cổ phần thực hiện thuê đất của Nhà nước và trả tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng đất.

Về phương án sắp xếp lao động, tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là 1.181 người; lao động chuyển sang công ty cổ phần là 1.181 người.

Bộ Công Thương theo dõi, giám sát quá trình thực hiện công tác cổ phần hóa tại doanh nghiệp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.



### Nghị định 141/2017/NĐ-CP về Mức lương tối thiểu vùng của người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

*Ngày 07/12/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định 141/2017/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Nghị định chính thức có hiệu lực kể từ ngày 25/01/2017.*

Theo Nghị định này, mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Theo đó, từ ngày 1/1/2018, sẽ áp dụng mức lương tối thiểu vùng từ 2.760.000 đến 3.980.000 đồng/tháng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Đối tượng áp dụng gồm: Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động; doanh nghiệp thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động theo hợp đồng lao động; cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam có thuê mướn lao động theo hợp đồng lao động (trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có

quy định khác với quy định của Nghị định này). Mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp từ ngày 1/1/2018 như sau: Vùng I: 3.980.000 đồng/tháng; vùng II: 3.530.000 đồng/tháng; vùng III: 3.090.000 đồng/tháng; vùng IV: 2.760.000 đồng/tháng. Như vậy, mức lương tối thiểu vùng mới cao hơn mức lương hiện nay khoảng 180.000-230.000 đồng/tháng.

Địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng được quy định theo đơn vị hành chính cấp quận, huyện, thị xã và thành phố trực thuộc tỉnh.

Nghị định nêu rõ, doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn nào thì áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn đó. Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị, chi nhánh hoạt động trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì đơn vị, chi nhánh hoạt động ở địa bàn nào, áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn đó.

Doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất nằm trên các địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì áp dụng theo địa bàn có mức lương tối thiểu vùng cao nhất.

Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn có sự thay đổi tên hoặc chia tách thì tạm thời áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn trước khi thay đổi tên hoặc chia tách cho đến khi Chính phủ có quy định mới.

Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn được thành lập mới từ một địa bàn hoặc nhiều địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo địa bàn có mức lương tối thiểu vùng cao nhất. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn là thành phố trực thuộc tỉnh được thành lập mới từ một địa bàn hoặc nhiều địa bàn thuộc vùng IV thì áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định đối với địa bàn thành phố trực thuộc tỉnh còn lại. Mức lương tối thiểu vùng quy định nêu trên là mức thấp nhất làm cơ sở để doanh nghiệp và người lao động thỏa thuận, trả lương, trong đó mức lương trả cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động bình thường, bảo đảm đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng, hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận phải bảo đảm: Không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm công việc giản đơn nhất; cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng đối với người lao

động làm công việc đòi hỏi người lao động đã qua học nghề, đào tạo nghề theo quy định.

Khi thực hiện mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp không được xóa bỏ hoặc cắt giảm các chế độ tiền lương khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, làm việc trong điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các chức danh nghề nặng nhọc, độc hại và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động. Các khoản phụ cấp, bổ sung khác, trợ cấp, tiền thưởng do doanh nghiệp quy định thì thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc trong quy chế của doanh nghiệp./.



**Thủ tướng quyết định lịch nghỉ Tết Nguyên đán Mậu Tuất từ thứ tư, ngày 14/2/2018 (ngày 29 tháng Chạp năm Đinh Dậu) đến hết thứ ba 20/2/2018.**

Văn phòng Chính phủ vừa có thông báo số 573/TB-VPCP kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về nghỉ lễ, tết năm 2018 của cán bộ, công chức, viên chức.



Ngày 5/12, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã chủ trì cuộc họp Thường trực Chính phủ về nghỉ lễ, tết năm 2018 của cán bộ, công chức, viên chức. Sau khi nghe Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ báo cáo, phát biểu của lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ý kiến của các Phó Thủ tướng, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đồng ý với đề nghị của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc nghỉ lễ, tết năm 2018.

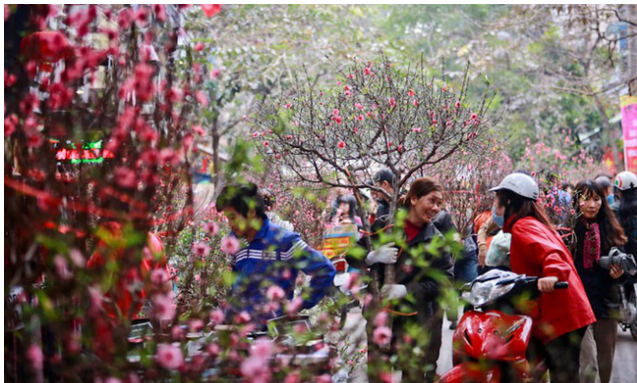
Theo đó, Nghỉ Tết Âm lịch từ thứ Tư, ngày 14/2/2018 (ngày 29 tháng chạp năm Đinh Dậu) đến hết thứ Ba, ngày 20/2/2018;

Địp lễ Quốc khánh: Nghỉ ngày Quốc khánh (2/9) và nghỉ bù vào ngày thứ Hai (3/9).

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện lịch nghỉ trên lưu ý bố trí, sắp xếp các bộ phận làm việc hợp lý để giải quyết công việc liên tục, bảo đảm tốt công tác phục vụ tổ chức, nhân dân.

Các cơ quan, đơn vị không thực hiện nghỉ cố định thứ Bảy và Chủ Nhật hằng tuần, sẽ căn cứ vào chương trình, kế hoạch cụ thể của đơn vị để bố trí lịch nghỉ cho phù hợp.

Thủ tướng Chính phủ ủy quyền Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo việc thực hiện nghỉ lễ, tết năm 2018 như trên.



Trước đó, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã xây dựng 2 phương án nghỉ Tết trình Chính phủ.

Phương án 1, người lao động sẽ được nghỉ 7 ngày liên tục từ ngày 14/2/2018 đến hết ngày 20/2/2018 Dương lịch (tức 29 tháng Chạp đến mùng 5 tháng Giêng). Trong đó có 2 ngày trước Tết, 3 ngày sau Tết, 2 ngày nghỉ bù do ngày mùng 2 và mùng 3 Tết trùng với ngày nghỉ hàng tuần.

Phương án 2, người lao động nghỉ 1 ngày trước Tết, 4 ngày sau Tết. Nghỉ 7 ngày liên tục từ ngày 15/2/2018 đến hết ngày 21/02/2018 Dương lịch (tức ngày 30 tháng Chạp đến mùng 6 tháng Giêng).

Trong đó 1 ngày trước Tết, 4 ngày sau Tết, 2 ngày nghỉ bù do ngày mùng 2 và mùng 3 Tết trùng với ngày nghỉ hàng tuần.



## Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 14/2017/L-CTN

**Ngày 04 tháng 12 năm 2017, Chủ tịch nước đã ban hành Lệnh công bố Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 14/2017/L-CTN**

Ngày 20/11/2017, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các Tổ chức tín dụng (Luật TCTD). Đây được xem là đạo luật quan trọng tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các giải pháp của Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Là một trong những TCTD thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật, với các ngân hàng 0 đồng, đây chính là cơ hội để hiện thực đề án tái cơ cấu các ngân hàng này. Nếu như trước đây về tiền lệ, chưa có đủ công cụ pháp lý, thì nay, hành lang pháp lý đã sáng rõ khi áp dụng Luật sửa đổi, bổ sung...

Theo đó, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD nêu rõ quy định chuyển tiếp: Việc cơ cấu lại các TCTD đã được kiểm soát đặc biệt hoặc đang thực hiện phương án xử lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc NHTM đã được mua bắt buộc trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.



**CB- một trong 3 ngân hàng 0 đồng nỗ lực để hiện thực hóa đề án tái cơ cấu**

Được biết, hiện cả 3 ngân hàng 0 đồng đều đã có đề án tái cơ cấu lên Chính phủ, nhưng vì những hạn chế trong Luật cũ nên chưa được hiện thực hóa, nay Luật TCTD sửa đổi sẽ gỡ các nút thắt và cơ hội để hiện thực hóa đề án tái cơ cấu Ngân hàng được phê duyệt.

Điểm quan trọng của Luật TCTD sửa đổi, bổ sung chính là các chính sách mang tính hành lang mở để xử lý những vấn đề chưa mang tính tiền lệ mà theo Thống đốc “thiếu những công cụ, hành lang pháp lý”. Và đây mới chính là mấu chốt của Luật TCTD với định hướng tái cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu trong giai đoạn 2016-2020, trong đó đáng chú ý là các biện pháp hỗ trợ cho các TCTD yếu kém. Theo quy định tại dự thảo Luật Sửa đổi bổ sung có giải pháp cho bán nợ cho VAMC, trích lập dự phòng, hỗ trợ... được quy định rõ trong dự thảo Luật. Hỗ trợ được áp dụng ra sao, mức độ thế nào, thẩm quyền quyết... được quy định rõ, để đảm bảo minh bạch. Với những TCTD được mua bắt buộc có thể được Chính phủ cấp thêm vốn để bổ sung vốn điều lệ, được Chính phủ cho vay dài hạn với lãi suất 0%, được vay tái cấp vốn của NHNN với lãi suất 0%; được nhận tiền gửi hoặc vay của TCTD hỗ trợ với mức lãi suất ưu đãi.

Với những giải pháp rõ ràng và cánh cửa về hành lang pháp lý được tháo gỡ, đồng thời với những thách thức, Luật TCTD sửa đổi, bổ sung cũng có thể là cơ hội mở cho các ngân hàng 0 đồng.

Rõ ràng, ở góc độ khả quan, Luật TCTD sửa đổi bổ sung đã “cập nhật” toàn diện hơn về quy luật thị trường về chính sách, giải pháp. Và sự rõ ràng cần thiết của hành lang pháp lý này hết sức quan trọng trong định hướng đối với các ngân hàng thương mại, đặc biệt, các ngân hàng 0 đồng vẫn đang chờ đợi tháo gỡ được các nút thắt pháp lý để đề án tái cơ cấu trở thành hiện thực.



### **Chỉ thị Số: 22/CT-UBND của UBND Thành phố Hà Nội**

Tại kỳ họp thứ III, khóa XIV, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 42/2017/QH14). Nghị quyết số 42/2017/QH14 quy định một số biện pháp xử lý nợ xấu, tài sản đảm bảo của khoản nợ xấu nhằm tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn, tạo cơ sở pháp lý cho tổ chức tín dụng (sau đây gọi tắt là TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài xử lý nhanh, dứt điểm nợ xấu, bảo đảm cho hệ thống các TCTD tiếp tục phát huy tốt vai trò cung ứng vốn cho hoạt động, sản xuất kinh doanh của nền kinh tế.

Ngày 19/7/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 32/CT-TTg triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng (sau đây gọi tắt là Chỉ thị 32/CT-TTg) và Quyết định số 1058/QĐ-TTg phê duyệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1058/QĐ-TTg).

Để triển khai kịp thời và hiệu quả Nghị quyết số 42/2017/QH14, Chỉ thị số 32/CT-TTg Quyết định số 1058/QĐ-TTg và các chỉ đạo có liên quan của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tạo nền tảng cho sự phát triển an toàn, bền vững của hệ thống các TCTD trên địa bàn Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các đơn vị; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã tập trung chỉ đạo, thực hiện một số giải pháp và nhiệm vụ sau đây:

#### **1. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Hà Nội:**

- Là đầu mối chủ trì, phối hợp các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã, tham mưu, báo cáo UBND Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14, Chỉ thị số 32/CT-



TTg và thực hiện cơ cấu lại TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 1058/QĐ-TTg; Phổ biến, quán triệt các quy định, văn bản chỉ đạo của Trung ương và Thành phố về xử lý nợ xấu đến các TCTD trên địa bàn Thành phố.

- Tập trung rà soát, đánh giá toàn bộ các khoản nợ xấu trên địa bàn; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong xử lý nợ xấu để chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hỗ trợ triển khai thực hiện, thu hồi nợ xấu gắn với tài sản đảm bảo.

- Chỉ đạo các TCTD, các QTDND trên địa bàn thành phố Hà Nội:

+ Triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu, trong đó lưu ý thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu phát sinh và nâng cao chất lượng tín dụng tại các TCTD, QTDND như nâng cao năng lực quản trị nội bộ đặc biệt quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng, nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác thẩm định tín dụng, xử lý nợ; thực hiện có hiệu quả các giải pháp để ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật làm phát sinh nợ xấu tại từng TCTD, QTDND.

+ Bảo đảm an toàn hoạt động, an toàn tài sản của Nhà nước và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, người dân; tích cực phối hợp đơn vị liên quan giữ gìn an ninh trật tự tại các địa điểm hoạt động của các TCTD, QTDND trong quá trình thực hiện cơ cấu lại.

+ Kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền (qua Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Hà Nội) những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị xử lý trong quá trình xử lý nợ xấu và cơ cấu lại các TCTD, QTDND.

## **2. Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội**

Chỉ đạo cơ quan thi hành án các cấp thực hiện nghiêm túc các quy định về thi hành án dân sự liên quan đến khoản nợ xấu của TCTD, VAMC theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14, Chỉ thị số 32/CT-TTg Quyết định số 1058/QĐ-TTg; Phối hợp, hỗ trợ các TCTD, VAMC trong quá trình thi hành bản án, quyết định của Tòa án về xử lý tài sản bảo đảm; tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhanh chóng, đúng pháp luật các bản án liên quan đến tín dụng, ngân hàng đã có hiệu lực pháp luật, đẩy nhanh thi hành án các vụ án còn tồn đọng.

## **3. Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội**

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc áp dụng các thủ tục rút gọn (về mặt hồ sơ, thời gian thụ lý,...) theo

Nghị quyết số 42/2017/QH14 trong giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản bảo đảm nhằm đẩy nhanh tiến độ truy tố và xử lý dứt điểm các vụ án có liên quan đến hoạt động ngân hàng, tạo điều kiện cho các TCTD có thể dễ dàng áp dụng, đẩy nhanh tốc độ xử lý, thu hồi nợ xấu.

## **4. Công an thành phố Hà Nội**

- Phối hợp Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Hà Nội và các cơ quan liên quan trong việc phòng ngừa, điều tra, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của TCTD và người gửi tiền.

- Chỉ đạo cơ quan công an các cấp tích cực nắm bắt tình hình, đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình cơ cấu lại các TCTD, các QTDND trên địa bàn Thành phố.

- Chỉ đạo công an các cấp thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự khi TCTD, VAMC thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được xử lý theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14, Chỉ thị số 32/CT-TTg và Quyết định số 1058/QĐ-TTg.

## **5. Sở Tài chính**

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện phương án phân bổ nguồn vốn theo kế hoạch để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản liên quan đến nợ xấu thuộc trách nhiệm chi của ngân sách Thành phố.

- Đẩy mạnh công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc Thành phố, gắn việc cổ phần hóa với đăng ký niêm yết, giao dịch trên thị trường chứng khoán, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp sau cổ phần hóa, tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán, giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn vốn tín dụng ngân hàng nhằm đảm bảo hệ thống tài chính phát triển bền vững, lành mạnh trong trung và dài hạn.

## **6. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính thực hiện phương án phân bổ nguồn vốn theo kế hoạch để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản liên quan đến nợ xấu thuộc trách nhiệm chi của ngân sách Thành phố.

## **7. Sở Tư pháp**

Phối hợp Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố **Hà Nội và các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp những bất cập, vướng mắc, xung đột pháp lý giữa**

**hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngành Ngân hàng với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật khác tại địa phương để kiến nghị, đề xuất sửa đổi hoặc bổ sung nhằm tạo lập khuôn khổ pháp lý đồng bộ cho việc xử lý nợ xấu.**

### 8. Cọc Thuế thành phố Hà Nội

Quán triệt, hướng dẫn chính sách liên quan đến thuế quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14, Chỉ thị số 32/CT-TTg Quyết định số 1058/QĐ-TTg.

### 9. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chỉ đạo các cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trên địa bàn có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của TCTD theo quy định tại Nghị quyết.

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục hoàn thiện dự án tổng thể xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính của Thành phố; nghiên cứu, ứng dụng vào việc đăng ký điện tử về đất đai, trong đó có đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; xây dựng quy định và chỉ đạo thực hiện lộ trình cập nhật và công khai thông tin các giao dịch về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên hệ thống thông tin điện tử.

### 10. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Hà Nội và các đơn vị liên quan chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí Thành phố và hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về nội dung của Nghị quyết số 42/2017/QH14, Chỉ thị số 32/CT-TTg Quyết định số 1058/QĐ-TTg và các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và địa phương về tiền tệ, hoạt động ngân hàng, đặc biệt chủ trương cơ cấu lại TCTD gắn với xử lý nợ xấu đến các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức và doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố, tạo sự ủng hộ, đồng thuận trong toàn xã hội đối với xử lý nợ xấu.

### 11. UBND các quận, huyện, thị xã

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp, hỗ trợ TCTD, VAMC trong quá trình thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại địa bàn; đồng thời đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm theo thẩm quyền.

- Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Hà Nội, chỉ đạo UBND xã, phường,

thị trấn tăng cường quản lý, giám sát và xử lý những tồn tại, yếu kém của QTDND đặc biệt trong việc hỗ trợ các giải pháp sáp nhập, hợp nhất, mua lại, giải thể hoặc phá sản đối với các QTDND trên địa bàn khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận.



**Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.**



Nguyên tắc cung cấp thông tin, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu quy định tại Điều 2 Thông tư 06/2017/TT-BKHĐT về quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành (có hiệu lực từ ngày 01/03/2018), cụ thể như sau:

1. Trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng hạn.



2. Công khai, minh bạch.

3. Thông tin được cung cấp có tính hệ thống, có liên kết và theo trình tự thời gian theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi báo cáo giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Đối với báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hàng năm, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác và thống nhất của nội dung báo cáo và số liệu báo cáo trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý.

6. Trường hợp hạ tầng công nghệ thông tin không đáp ứng yêu cầu của việc báo cáo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (sau đây gọi là Hệ thống mạng) theo quy định tại Điều 3 Thông tư này hoặc do yêu cầu về bảo mật theo quy định của pháp luật về bảo mật thì cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm báo cáo phải gửi báo cáo bằng văn bản.

hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP.

Nghị định 146/2017/NĐ-CP bắt đầu có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2018.



**Quyết định 2362/QĐ-BTC: Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính.**

**Ngày 15/11/2017, Bộ Tài chính đã ban hành quyết định 2362/QĐ-BTC công bố thủ tục hành chính (TTHC) sửa đổi, thay thế về quản lý thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính.**

Theo đó, thủ tục đăng ký hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với Đại lý thuế được sửa đổi, thay thế như sau:

- Sử dụng mẫu số 01A - Văn bản đề nghị xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế tại Thông tư 51/2017/TT-BTC thay cho mẫu số 01 của Thông tư 117/2012/TT-BTC

- Bỏ yêu cầu nộp giấy chứng nhận đăng ký thuế, mẫu chữ ký của người có thẩm quyền của đại lý thuế ký tên trên các hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế....

- Giảm thời hạn giải quyết hồ sơ từ 10 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Gửi văn bản trả lời tới doanh nghiệp nếu không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế thay vì chỉ ban hành Công văn khi đủ điều kiện như trước đây.



**Nghị định 146/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế TNDN (TNDN).**

**Ngày 15/11/2017, Chính phủ ban hành Nghị định 146/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế TNDN (TNDN). Cụ thể, như sau:**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/ 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016.

- Sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 2 Điều 9 Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15/7/2017; sửa đổi, thay thế 02 TTCH tại Quyết định 1500/QĐ-BTC



**Bộ trưởng Bộ Tài nguyên - Môi trường Trần Hồng Hà mới đây đã ký ban hành Thông tư số 53/2017/TT-BTNMT quy định ngưng thi hành việc ghi tên các thành viên có chung quyền sử dụng đất vào sổ đỏ hộ gia đình. Thông tư có hiệu lực từ ngày 5/12/2017**

Cụ thể, Thông tư số 53/2017/TT-BTNMT quy định ngưng hiệu lực thi hành Khoản 5 Điều 6 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/1/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành

Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai từ ngày 5/12/2017 đến thời điểm có hiệu lực thi hành của văn bản quy phạm pháp luật mới quy định về vấn đề này.

UBND các cấp, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để giải quyết.

Trước đó, Bộ Tài nguyên - Môi trường khẳng định việc hướng dẫn ghi tên các thành viên có chung quyền sử dụng đất đối với trường hợp quyền sử dụng đất là tài sản chung của hộ gia đình là đúng theo Luật Đất đai 2013 và Luật Dân sự năm 2015.

Theo Bộ Tài nguyên - Môi trường lý giải, do trước đây pháp luật về đất đai hướng dẫn ghi đại diện của hộ gia đình sử dụng đất trên sổ đỏ nên trong quá trình thực hiện các giao dịch về quyền của người sử dụng đất, việc ghi tên hộ gia đình trên sổ đỏ như trên đã bộc lộ tồn tại, hạn chế như: Nhà nước gặp khó khăn khi thực hiện bảo hộ quyền sử dụng đất hợp pháp của các thành viên hộ gia đình sử dụng đất trong trường hợp có những rủi ro xảy ra trong quá trình thực hiện giao dịch dân sự do quyền sử dụng đất của từng thành viên trong hộ gia đình không được xác lập cụ thể; phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp về quyền sử dụng đất của các thành viên trong hộ gia đình sử dụng đất khi thực hiện các giao dịch về quyền sử dụng đất, trong khi việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp lại rất khó khăn do thiếu cơ sở pháp lý và thời gian kéo dài.

Lãnh đạo Bộ Tài nguyên - Môi trường cho biết với mong muốn tạo sự đồng thuận cao trong xã hội và mỗi người dân đều hiểu rõ quyền, lợi ích của việc ghi tên từng thành viên có chung quyền sử dụng đất trong hộ gia đình trên giấy chứng nhận, đồng thời để các địa phương có thêm thời gian chuẩn bị điều kiện triển khai thực hiện tốt hơn, Bộ Tài nguyên và Môi trường với tinh thần cầu thị, lắng nghe, nghiên cứu và đánh giá kỹ về thực tế triển khai đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép lùi thời gian có hiệu lực của quy định tại Khoản 5 Điều 6 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT đến thời điểm có hiệu lực thi hành của văn bản quy phạm pháp luật mới quy định về vấn đề này.



# CÔNG VĂN GIẢI ĐÁP, HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ



## Công văn Số: 5591/BHXH-TCKT V/v hướng dẫn khóa sổ, lập báo cáo quyết toán năm 2017

Ngày 16/11/2016, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã ban hành Công văn số 4593/BHXH-TCKT về hướng dẫn công tác khóa sổ, lập báo cáo tài chính hàng năm. Để thực hiện công tác khóa sổ và lập Báo cáo tài chính năm 2017 đảm bảo chất lượng, đúng quy định, Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam hướng dẫn bổ sung một số nội dung sau:

1. Hạch toán, quyết toán số thu BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)

1.1. Thu BHYT

a) Thực hiện hạch toán kế toán đối với kinh phí cấp trùng thẻ BHYT

- Hằng năm, căn cứ vào số tiền phải hoàn trả ngân sách địa phương (NSĐP) theo thông báo của Bộ Tài chính, kết luận của cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước về kết quả rà soát cấp trùng thẻ BHYT, BHXH Việt Nam thực hiện trích quỹ dự phòng KCB BHYT chuyển cho BHXH các tỉnh để hoàn trả NSĐP theo đúng quy định.

- Trường hợp BHXH tỉnh bù trừ kinh phí cấp trùng thẻ BHYT với số ngân sách nhà nước (NSNN) đóng, hỗ trợ đóng BHYT: Thực hiện quyết toán đủ số thu BHYT trong năm và hạch toán kế toán theo hướng dẫn tại Công văn số 4428/BHXH-TCKT ngày 17/11/2014 về việc hoàn trả NSNN trùng thẻ BHYT năm 2013.

- Trường hợp các năm trước BHXH tỉnh đã bù trừ kinh phí cấp trùng thẻ BHYT với số NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT nhưng chưa hạch toán kế toán theo hướng dẫn tại Công văn số 4428/BHXH-TCKT thực hiện hạch toán kế toán như sau:

+ Căn cứ văn bản của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh hoặc Sở Tài chính thông báo số giảm trừ kinh phí cấp trùng thẻ BHYT của các năm trước, BHXH tỉnh tổng hợp toàn bộ số phải thu BHYT đã giảm trừ từ các năm

trước do giảm trừ kinh phí cấp trùng thẻ BHYT vào số phải thu NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT trong năm 2017, ghi:

Nợ TK 311 - Các khoản phải thu (3118)

Có TK 573 - Thu BHYT

Đồng thời ghi Nợ TK013 - Phải thu BHYT

+ Trên cơ sở số phải thu BHYT đã giảm trừ từ các năm trước đã hạch toán, ghi:

Nợ TK 342 - Thanh toán nội bộ (3428)

Có TK 311 - Các khoản phải thu (3118)

Đồng thời ghi: Có TK 013 - Phải thu BHYT

+ Tổng hợp số thu BHYT phải nộp cấp trên, ghi:

Nợ TK 351 - Thanh toán về thu các loại bảo hiểm giữa Trung ương với tỉnh

Có TK 342 - Thanh toán nội bộ (3428)

b) Đối với số tiền đóng, hỗ trợ BHYT năm 2016 NSNN chuyển trả trong năm 2017, BHXH tỉnh thực hiện hạch toán vào số thu BHYT trong năm 2017. Số thu này được tính để xác định quỹ KCB BHYT năm 2017 của tỉnh.

c) Trường hợp NSĐP hỗ trợ thêm mức đóng BHYT cho một số đối tượng lúc hỗ trợ đóng BHYT theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT), BHXH tỉnh thực hiện hạch toán số thu BHYT này vào phần NSĐP hỗ trợ.

d) Đối với khoản 20% phần kinh phí chưa sử dụng hết khi số thu BHYT dành cho KCB lớn hơn số chi KCB trong năm của BHXH tỉnh (gọi chung là khoản 20% được sử dụng tại đơn vị): Trường hợp UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ mức đóng BHYT cho một số nhóm đối tượng, BHXH tỉnh hạch toán vào số thu BHYT của tỉnh theo hướng dẫn tại Công văn số 4057/BHXH-TCKT ngày 18/10/2016 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn một số nội dung hạch toán kế toán. Số thu này được tính để xác định quỹ KCB BHYT của tỉnh.

1.2. Thu BHTN: Đối với số NSNN hỗ trợ quỹ BHTN từ năm 2014 trở về trước, BHXH tỉnh hạch toán nhằm từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ sang NSĐP hoặc số thu BHTN của đối tượng hợp đồng ngoài chỉ tiêu biên chế, NSĐP không đồng ý hỗ trợ từ NSĐP, BHXH tỉnh phối hợp với Sở Tài chính địa phương ký xác nhận số liệu và tổng hợp báo cáo về BHXH Việt Nam (Ban Thu) để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính.

2. Quyết toán thu, chi quỹ khám bệnh, chữa bệnh (KCB) BHYT

2.1. Quyết toán chi KCB BHYT



Đối với các cơ sở KCB sử dụng hóa đơn điện tử khi thanh quyết toán kinh phí KCB BHYT: Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 3991/BHXH-TCKT ngày 11/9/2017 của BHXH Việt Nam về việc sử dụng hóa đơn điện tử trong thanh toán chi phí KCB BHYT.

2.2. Hạch toán, quyết toán khoản 20% kết dư quỹ KCB năm 2015 được sử dụng tại địa phương: BHXH tỉnh tổng hợp số kinh phí đã sử dụng vào quyết toán KCB BHYT năm 2017 của BHXH tỉnh, số chi phí này không tính vào chi phí KCB BHYT trong năm để cân đối quỹ KCB BHYT của tỉnh.

Trường hợp, phần kinh phí được để lại địa phương chưa sử dụng hoặc không sử dụng hết, BHXH tỉnh chịu trách nhiệm thu hồi và chuyển về BHXH Việt Nam để bổ sung quỹ dự phòng theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 7 Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN

2.3. Đối với thu BHYT, chi KCB BHYT cho quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu: Các đơn vị quản lý, hạch toán và lập các báo cáo theo hướng dẫn tại Công văn số 79/BHXH-TCKT ngày 09/01/2017 về việc hướng dẫn một số nội dung về hạch toán, tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí KCB BHYT đối với quân nhân, công an và người làm công tác cơ yếu do BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Bộ Công an phát hành thẻ BHYT và Công văn số 81/BHXH-TCKT ngày 09/01/2017 hướng dẫn một số nội dung về hạch toán, tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí KCB BHYT đối với người làm công tác cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ BHYT.

Trường hợp quỹ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu lớn hơn số chi KCB và chi phí vận chuyển trong năm: Phần kinh phí chưa dùng hết được sử dụng theo quy định tại Khoản 2, Điều 21 Nghị định số 70/2015/NĐ-CP, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Bộ Công an tổng hợp vào quyết toán chi KCB BHYT của BHXH Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhưng không tính vào chi phí KCB BHYT trong năm để cân đối quỹ.

### 3. Quyết toán chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN

3.1. Một số nội dung chi như: Chi thù lao cho tổ chức làm đại lý thu BHXH tự nguyện, BHYT của người tham gia theo hộ gia đình, của học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Chi hỗ trợ cho UBND xã, phường, thị trấn lập danh sách người tham gia BHYT trên địa bàn; Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp thất nghiệp; Chi rà soát và bàn giao sổ BHXH cho người lao động; Chi cấp mã số BHXH cho người tham gia BHXH, BHYT; Kinh phí CSSKBD của y tế cơ quan. Trong năm đơn vị chi không hết số dự toán được BHXH Việt Nam giao, phải chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng, không được sử dụng cho mục đích khác,

không được tính là kinh phí tiết kiệm chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN.

3.2. Căn cứ số kinh phí tiết kiệm trong năm, các đơn vị thực hiện trích lập các quỹ và chuyển nộp về BHXH Việt Nam theo đúng quy định. Khi chuyển tiền nộp các quỹ về BHXH Việt Nam phải ghi chi tiết số tiền nộp theo từng quỹ để làm cơ sở hạch toán kế toán.

### 3.3. Chi ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)

Trung tâm Công nghệ thông tin, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Ngành rà soát, phân tích, thuyết minh các nội dung chi, kinh phí chi ứng dụng CNTT từ nguồn kinh phí được giao hàng năm.

### 4. Hạch toán, quản lý tài sản nhà nước

4.1. Thực hiện hạch toán, quản lý tài sản nhà nước theo quy định tại Mục VI Công văn số 4593/BHXH-TCKT ngày 16/11/2016 của BHXH Việt Nam.

4.2. Về mua sắm, sửa chữa tài sản: Yêu cầu các đơn vị rà soát hồ sơ mua sắm, sửa chữa tài sản theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của BHXH Việt Nam về phân cấp thẩm quyền; trình tự, thủ tục; tiêu chuẩn, định mức; thanh quyết toán; hạch toán kế toán; báo cáo và quản lý, sử dụng tài sản; đảm bảo triệt để tiết kiệm, hiệu quả.

4.3. Đối với tài sản cố định hình thành qua mua sắm tập trung và đầu tư: Thực hiện bàn giao, tiếp nhận và xác định nguyên giá tài sản cố định theo hướng dẫn của BHXH Việt Nam tại Công văn số 4311/BHXH-TCKT ngày 28/9/2017.

### 5. Lập, nộp báo cáo tài chính

5.1. Các đơn vị khẩn trương hoàn thành công tác lập báo cáo tài chính Quý IV, báo cáo tài chính năm 2017 nộp về BHXH Việt Nam theo đúng quy định. Đơn vị nộp báo cáo tài chính chậm so với thời gian quy định, không đảm bảo chất lượng sẽ trừ vào điểm thi đua năm. Các bộ phận nghiệp vụ thực hiện rà soát kỹ các chi phí phát sinh trong quý, năm để tổng hợp đầy đủ, kịp thời vào báo cáo tài chính; tăng cường phối hợp để đối chiếu thống nhất số liệu trước khi lập báo cáo tài chính Quý IV và năm 2016.

5.2. BHXH tỉnh lập các phụ lục số 01, 03, 05 ban hành kèm theo công văn này và đóng vào Báo cáo quyết toán năm gửi BHXH Việt Nam.

5.3. Bãi bỏ phụ lục số 01 và phụ lục số 03 ban hành kèm theo Công văn số 4593/BHXH-TCKT.

5.4. Yêu cầu BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Bộ Công an, Cục Việc làm thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng BHXH Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam, Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng ngành BHXH tổ chức thực hiện theo đúng hướng dẫn tại văn bản này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về BHXH Việt Nam để xem xét, giải quyết./.



# DANH MỤC VĂN BẢN NỘI BỘ\*

Ký hiệu văn bản	Ngày/tháng ban hành	Tên loại và trích yếu nội dung	Hiệu lực văn bản
729/QĐ-HĐQT-DVKT	22/11/2017	Quy chế Người đại diện của PVPS tại các doanh nghiệp khác	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế QĐ</i>
43/QĐ-HĐQT.PVPS	08/09/2010	Quy chế quản trị Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
240/QĐ-HĐQT	09/12/2014	Quy chế thực hiện dân chủ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
140/QĐ-DVKT	05/03/2015	Quy chế Hội nghị người lao động Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
141/QĐ-DVKT	05/03/2015	Quy chế đối thoại tại nơi làm việc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
165/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định tiêu chuẩn bậc an toàn chung, bậc an toàn điện của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
166/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định hệ thống quản lý An toàn Sức khỏe Môi trường của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
167/QĐ-DVKT	20/03/2015	Các nguyên tắc an toàn cơ bản của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
168/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy trình quản lý sức khỏe và bệnh nghề nghiệp	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
171/QĐ-DVKT	20/03/2015	Phương án phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
172/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định phân công trách nhiệm trong công tác an toàn – vệ sinh lao động	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
173/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định chế độ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo TCVN 3890:2009	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
174/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định quản lý nhà thầu phụ trong công tác An toàn lao động và vệ sinh môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

175/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị nâng	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
220/QĐ-DVKT	08/04/2015	Quy định thi an toàn, giữ bậc, nâng bậc và xét nâng lương	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
731/QĐ-DVKT	26/05/2015	Quy định kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
732/QĐ-DVKT	26/05/2015	Quy định phân định trách nhiệm trong công tác An toàn vệ sinh lao động	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
766/QĐ-DVKT	05/06/2015	Quy định quản lý hợp đồng kinh tế	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
811/QĐ-DVKT	17/07/2015	Quy trình quản lý kỹ thuật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
814/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định trực xử lý sự cố Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
815/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định đào tạo tay nghề tại chỗ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
816/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định nghiệm thu nội bộ thiết bị sau bảo dưỡng – sửa chữa của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
177/QĐ/HĐQT-DVKT	22/07/2015	Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý (chuyên trách) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
178/QĐ/HĐQT-DVKT	22/07/2015	Quy chế trả lương sửa đổi cho CBCNV công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
807/QĐ-DVKT	26/07/2015	Quy định hướng dẫn sử dụng, kiểm tra và bảo dưỡng palăng xích của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
832/QĐ-DVKT	30/07/2015	Quy định hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa tời điện của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
837/QĐ-DVKT	03/08/2015	Quy định thực hiện chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1160/QĐ-DVKT	16/11/2015	Thỏa ước lao động tập thể	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1161/QĐ-DVKT	16/11/2015	Nội quy lao động	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1180/QĐ-DVKT	26/11/2015	Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng chức năng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

1215/QĐ-DVKT	16/12/2015	Quy định về công tác quản lý văn bản của cơ quan Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1245/QĐ-DVKT	29/12/2015	Quy định quản lý và sử dụng phương tiện đi lại của cơ quan Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1285/QĐ-DVKT	31/12/2015	Quy trình tổ chức sáng kiến	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1287/QĐ-DVKT	31/12/2015	Quy trình lập, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và chế độ báo cáo của Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
23/QĐ-HĐQT-DVKT	15/01/2016	Quy trình quản lý vật tư, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
31/QĐ-DVKT	19/01/2016	Quy trình nhận diện khía cạnh và đánh giá tác động môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
69/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn an toàn hóa chất	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
70/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
71/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn an toàn khi hàn điện-hàn hơi.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
72/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn khi làm việc trên cao	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
73/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn thiết bị áp lực	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
74/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn thiết bị nâng	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
75/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa tại các Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
30/QĐ/HĐQT-DVKT	05/02/2016	Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đấu thầu của Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
32/QĐ/HĐQT-DVKT	05/02/2016	Quy chế thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
45/QĐ/HĐQT-DVKT	03/03/2016	Quy chế thi đua, Khen thưởng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

164/QĐ-DVKT	18/03/2016	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành Kế hoạch Ứng cứu tình huống khẩn cấp.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
172/QĐ-DVKT	23/03/2016	Quyết định về việc phê duyệt câu hỏi và đáp án thi an toàn làm việc trong điều kiện có khí Hydro của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
187/QĐ-DVKT	30/03/2016	Quy định về quản lý công nợ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
106/QĐ/HĐQT-DVKT	05/04/2016	Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu Khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
126/QĐ/HĐQT-DVKT	22/04/2016	Quy chế chi tiêu nội bộ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
330/QĐ-DVKT	09/06/2016	Quy định công tác quản lý công cụ dụng cụ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
175/QĐ/HĐQT-DVKT	10/06/2016	Quy chế mua sắm hàng hóa dịch vụ của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
367/QĐ-DVKT	22/06/2016	Quy định công tác phối hợp giữa các phòng/đơn vị	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
390/QĐ-DVKT	30/06/2016	Quy định tổ chức và quản lý hoạt động của Website Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
709/QĐ-DVKT	22/09/2016	Hướng dẫn làm việc an toàn trong không gian hạn chế	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
740/QĐ-DVKT	10/10/2016	Quy định quản lý chăm công lao động tại Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
760/QĐ-DVKT	24/10/2016	Quy định chức năng nhiệm vụ Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
804/QĐ-DVKT	08/11/2016	Quy định tiêu chuẩn công nhân kỹ thuật cao	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
324/QĐ/HĐQT-DVKT	06/12/2016	Quy định về tiêu chuẩn chức danh công việc Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
877/QĐ-DVKT	12/12/2016	Quy định lập báo cáo thực hiện các chỉ đạo của HĐQT Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
329/QĐ/HĐQT-DVKT	14/12/2016	Quy chế thưởng an toàn Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>



881/QĐ-DVKT	15/12/2016	Quyết định về việc phê duyệt câu hỏi và đáp án thi an toàn của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
885/QĐ-DVKT	21/12/2016	Quy chế hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
154/QĐ-DVKT	28/4/2017	Quyết định về việc ban hành Quy định đánh giá tập thể và CBCNV Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
189/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Sổ tay chất lượng và môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
190/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình kiểm soát tài liệu	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
191/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình kiểm soát hồ sơ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
192/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình đánh giá nội bộ (QT-03)	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
193/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Xử lý sự không phù hợp và hành động khắc phục	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
194/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tuyển dụng, tiếp nhận, thử việc	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
195/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tổ chức đào tạo	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
196/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình quản lý cơ sở hạ tầng, thiết bị văn phòng	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
197/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc ban hành và áp dụng Quy trình Xác định và quản lý rủi ro chất lượng – an toàn – môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
198/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình quản lý kỹ thuật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
199/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tổ chức triển khai và nghiệm thu sửa chữa Đại tu, Trung tu, Tiểu tu Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
200/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Tổ chức sáng kiến cải tiến kỹ thuật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
201/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tiếp nhận và xử lý phản hồi, khiếu nại của Khách hàng/các bên hữu quan	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
202/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình rao đổi thông tin liên lạc	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
203/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Tiếp cận, tuân thủ, giám sát các yêu cầu của pháp luật và các yêu cầu khác	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

204/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình ứng phó với tình huống khẩn cấp	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
205/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
206/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Nhận diện khía cạnh và đánh giá tác động môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
207/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
208/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định vệ sinh môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
209/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định quản lý và sử dụng điện, gas	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
210/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định an toàn trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa tại các Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
211/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định kiểm tra công tác an toàn sức khỏe môi trường tại các Chi nhánh	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
212/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định về hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
336/QĐ-DVKT	01/8/2017	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quy trình ứng cứu tình huống khẩn cấp QT-MT.03	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
239/QĐ/HĐQT-DVKT	07/9/2017	Quyết định phê duyệt ban hành Quy chế đào tạo	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
264/QĐ/HĐQT-DVKT	30/10/2017	Quyết định phê duyệt Quy chế về tiêu chuẩn chức danh và chính sách cho cán bộ công nhân viên kỹ thuật cao	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
264/QĐ/HĐQT-DVKT	30/10/2017	Quyết định phê duyệt Quy chế tuyển dụng, quản lý và sử dụng lao động	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

\* *Văn bản do các phòng chức năng Công ty chủ trì soạn thảo, quản lý.*

Biên soạn : Hoàng Hà  
 Kiểm duyệt : Nguyễn Duy Long  
 Email :  
[pth@pvps.vn](mailto:pth@pvps.vn)/[hoangha@pvps.vn](mailto:hoangha@pvps.vn)  
 Điện thoại : 04.37878186 (ext: 216)  
 Fax : 04.37878185